TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 38, 16/09 – 20/09/2024

"Bước ngoặt sau 4 năm, FED lần đầu hạ 0.5% lãi suất"

Tiêu điểm:

- Ngày 18/9, Fed quyết định nới lỏng chính sách tiền tệ sau 4 năm. Theo đó, lãi suất tham chiếu của Mỹ giảm 50 điểm cơ bản (0.5%), về 4.75-5%.
- Các quan chức đã nâng dự báo tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ năm nay lên 4.4%, từ mức dự báo 4% trong lần cập nhật gần nhất vào tháng 6.

Đánh giá: Hành động hạ lãi suất 0.5% của FED có phần khá quyết liệt và mạnh hơn so với mức giảm 0.25% mà nhiều nhà đầu tư kì vọng. Diễn biến của chỉ số chứng khoán Mỹ vào ngày 18/09 cũng có mức tăng giảm khó lường trước và sau thông tin về hạ lãi suất. Chúng tôi cho rằng có nhiều tác động trái chiều mà thị trường cần thời gian để tiếp nhận và xử lý thông tin. Cụ thể, một phần tác động của việc hạ lãi suất trước mắt sẽ khiến cho tài sản tài chính trở nên hấp dẫn hơn, tuy nhiên, phần còn lại là vì thị trường đang cho rằng FED lo ngại về suy thoái kinh tế nên mới hạ lãi suất mạnh đến vậy. Cụ thể là các dữ liệu về thất nghiệp có phần tăng cao, và kì vọng tăng trưởng GDP thực trong năm 2024 lại suy giảm so với kì họp tháng 6. Đánh giá về diễn biến VNINDEX, chúng tôi kì vọng rằng việc FED hạ lãi suất sẽ hỗ trợ cho dòng tiền khối ngoại quay lại mua ròng, hỗ trợ cho chỉ số vượt 1,300. Tuy nhiên, vẫn cần phải theo dõi sát diễn biến của chỉ số đặc biệt đây là vùng cản mà thị trường nhiều lần chưa vượt thoát được.

Góc nhìn kĩ thuật: VNINDEX đóng cửa tuần tại 1,272.04 (+20.33 điểm, +1.62%) trên đồ thị tuần với thanh khoản có sự cải thiện. Điểm tích cực là khối ngoại đã liên tục mua ròng trong suốt tuần qua, trừ phiên thứ 6. Trên đồ thị ngày, diễn biến của phiên thứ 6 mặc dù tăng nhẹ nhưng lại giảm trong suốt phiên chiều cho thấy áp lực bán luôn sẵn sàng khi chỉ số tiệm cận vùng kháng cự 1,290. Vùng hỗ trợ và kháng cự tương ứng là 1,240 và 1,290.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư ưu tiên nắm giữ cổ phiếu và sẵn sàng bán khi đạt được mục tiêu lợi nhuận hoặc tiệm cận kháng cự. Việc mua mới nên đợi thị trường vượt hẳn 1,300 hoặc khi chỉ số giảm về và phục hồi tại vùng hỗ trợ 1,240 – 1,250. Ưu tiên quan sát nhóm vốn hóa lớn như ngân hàng.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,272	1.6	0.0	-0.8	12.6		15.3	1.7	212
Upcom Index	94	0.7	-0.5	-5.7	7.6		12.6	1.3	60
HNX Index	234	0.8	-1.3	-4.0	1.4		18.6	1.2	12
VN30 Index	1,326	2.4	1.6	0.3	17.2		12.2	1.7	149
S&P 500 Index	5,714	1.6	2.1	4.4	19.8		26.0	5.1	50,025
STOXX Europe 600 Index	518	0.4	1.2	-0.1	8.2		15.8	2.1	15,014
Hang Seng	18,259	5.1	4.3	-0.4	7.1		9.6	1.0	2,696
Nikkei 225	37,724	3.1	-0.9	-2.4	12.7		22.3	1.9	4,666
SHCOMP Index	2,737	1.2	-4.5	-8.9	-8.0		13.2	1.2	5,993
STI Index	3,624	1.7	7.5	9.8	11.9		13.4	1.3	426
KOSPI Index	2,593	0.7	-3.8	-7.6	-2.3		13.3	0.9	1,528

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
☎ (84-28) 5808 7603
✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	1.8	0.2	0.6	15.1	18.4	-3.3	-8.1	-23.3	84.5	1.2	13.6	1.7	4,618,676
Mid Cap	0.8	-1.9	-3.8	16.9	8.5	-10.7	-34.2	-46.5	14.6	-1.1	17.8	1.2	537,006
Small Cap	-0.4	-3.2	-10.3	-9.4	5.7	-11.0	-44.9	-54.4	0.9	-0.1	-476.6	0.7	61,336

Theo ngành

Tên ngành	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Tài chính	3.0	-0.1	-3.6	10.2	48.6	14.4	28.3	-16.2	16.0	3.4	18.6	1.5	199,620
Ngân hàng	2.6	1.7	3.7	19.3	35.6	5.0	-4.1	-20.9	22.6	3.1	9.6	1.6	2,051,284
Xây dựng và vật liệu	2.5	0.4	-7.7	0.0	24.1	4.5	-13.5	-44.0	4.0	0.2	18.5	1.2	124,846
Dược và Y tế	2.3	4.4	3.2	14.6	13.9	15.6	-4.4	43.9	0.4	0.0	17.4	2.3	39,467
Tài nguyên cơ bản	2.2	-1.1	-12.6	-0.5	6.5	-10.2	-22.7	-36.7	6.2	-0.6	16.5	1.4	209,394
Hóa chất	2.0	0.8	-1.7	42.0	17.5	2.7	-19.8	-21.8	5.7	0.0	25.2	2.1	250,350
Du lịch và Giải trí	1.8	-1.2	-20.1	20.5	12.7	2.2	-40.1	-30.0	1.0	0.0	45.4	10.6	116,309
Công nghệ Thông tin	1.7	2.6	-2.7	56.7	7.7	0.0	-33.9	-14.1	4.2	-0.4	28.1	4.7	215,046
Truyền thông	1.7	0.2	-1.9	-22.7	-17.0	-23.3	-48.1	-52.9	0.0	0.0	21.2	0.9	1,654
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	1.7	-3.4	0.3	29.2	5.3	-20.8	-53.0	-62.2	3.3	-0.4	17.3	1.4	163,322
Dầu khí	1.2	-6.0	3.2	23.4	42.3	3.7	-11.9	-23.9	1.3	0.2	20.0	2.6	73,484
Bán lẻ	1.1	-1.3	4.0	51.9	3.9	-9.0	-21.1	-24.2	4.7	-0.6	48.9	3.9	141,369
Bất động sản	0.6	2.1	2.5	-0.9	3.1	-18.0	-8.4	-29.2	18.7	-2.5	17.1	1.1	743,034
Thực phẩm và đồ uống	0.5	-2.4	1.7	6.1	-6.8	-9.6	-21.9	-32.0	8.2	-2.1	22.0	2.3	446,822
Bảo hiểm	0.4	-5.1	-7.1	7.7	-38.8	-38.8	-52.8	-46.5	0.2	-0.2	6.9	1.3	43,878
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.1	-5.8	-2.3	17.1	31.7	-27.0	-31.9	-28.5	1.6	0.2	14.7	1.8	62,464
Ô tô & Phụ tùng	-1.1	-4.5	-12.3	8.2	6.5	-32.9	-61.2	-62.6	0.3	0.0	14.4	1.1	15,817
Tiện ích	-1.3	-7.9	-6.6	2.8	-11.4	-20.5	-41.3	-35.6	1.6	-0.5	21.8	1.8	305,585

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,804**	-6.8	-75.6	-302.8	-758.9
Nước ngoài	**1,878**	-9.5	-63.9	-300.0	-490.7
VanEck Vectors Vietnam ETF	499	0.0	-8.2	-11.2	54.3
Fubon FTSE Vietnam ETF	648	-3.9	-40.6	-103.0	-129.8
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	216	-4.1	-13.8	-152.8	-407.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	293	-1.4	-1.3	-14.5	15.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	202	0.0	0.0	-18.5	-16.7
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	0.0	0.0	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**927**	2.6	-11.6	-2.8	-268.3
DCVFMVN Diamond ETF	574	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	287	-2.0	-10.5	0.7	-109.8
SSIAM VNFIN LEAD ETF	25	4.7	-1.4	-3.5	-156.5
MAFN VN30 ETF	25	0.0	0.0	-0.3	-2.2
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.0	0.0	-2.4
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	7	0.0	0.3	0.3	2.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-26,000	-14,623	-17,979
Ấn độ	284	3,787	8,527	8,877
Indonesia	274	1,811	4,069	3,642
Nhật Bản*	-21,340	-27,681	-36,975	2,061
Maylaysia	51	284	1,153	981
Philippines	61	131	335	-193
Hàn Quốc	-751	-4,476	-5,314	11,814
Sri Lanka	0	0	12	-17
Đài Loan	301	-5,978	-20,060	-15,677
Thái Lan	135	877	660	-2,571
Việt Nam	56	-36	-491	-2,168

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

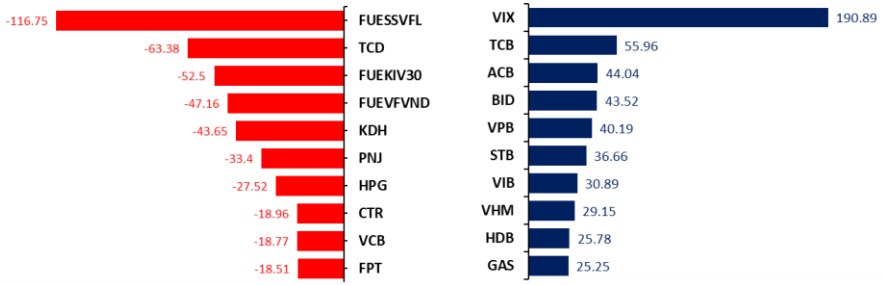
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

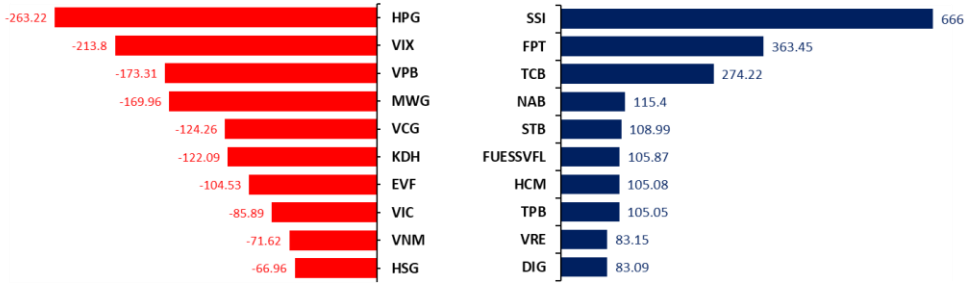
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	3	512	-620	108
Tài nguyên Cơ bản	-30	-230	302	-72
Truyền thông	0	1	-1	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9	48	-43	-5
Y tế	0	-1	23	-22
Hóa chất	-19	-52	37	15
Dịch vụ tài chính	-22	570	-576	6
Du lịch và Giải trí	-2	86	-82	-4
Ngân hàng	303	261	1,891	-2,153
Xây dựng và Vật liệu	-91	41	25	-66
Thực phẩm và đồ uống	-7	102	-90	-12
Bán lẻ	-21	-129	103	26
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	30	-19	9	10
Hàng cá nhân & Gia dụng	-43	9	26	-35
Công nghệ Thông tin	-20	391	-352	-40
Ô tô và phụ tùng	8	-15	15	0
Bảo hiểm	2	5	-11	6
Dầu khí	2	-49	62	-13
Tổng	103	1,531	719	-2,250

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	ITA	Bất động sản	2.70 - 7.50	2.8	-15.0%
2	SMC	Tài nguyên Cơ bản	8.11 - 20.50	8.2	-14.4%
3	TDW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	43.75 - 58.80	45.0	-13.1%
4	CVT	Xây dựng và Vật liệu	25.40 - 37.60	25.4	-7.8%
5	TPC	Hóa chất	4.94 - 6.80	6.1	-7.6%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
21.3%	4.5	2.50 - 8.49	Thực phẩm và đồ uống	AGM
12.9%	14.0	11.15 - 18.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	ABR
11.7%	3.1	2.13 - 3.69	Hàng cá nhân & Gia dụng	SVD
10.9%	115.0	82.00 - 115.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	NCT
10.8%	3.1	8.37 - 18.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TCO

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	GKM	Xây dựng và Vật liệu	24.50 - 42.00	24.5	-29.4%
2	VCM	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.20 - 20.20	11.8	-21.3%
3	VMS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.70 - 37.40	20.4	-16.4%
4	SGH	Du lịch và Giải trí	20.80 - 46.70	29.7	-15.1%
5	ALT	Truyền thông	12.50 - 21.00	13.7	-13.8%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
56.7%	9.4	3.40 - 38.00	Xây dựng và Vật liệu	MCO
53.5%	13.2	7.30 - 46.90	Xây dựng và Vật liệu	HMR
51.5%	5.0	1.90 - 5.00	Tài nguyên Cơ bản	SPI
36.4%	6.0	4.10 - 8.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	PCG
20.5%	10.0	7.90 - 38.10	Xây dựng và Vật liệu	CMS

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	NAS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.10 - 41.20	29.5	-26.3%
2	STW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.40 - 30.60	23.0	-24.8%
3	L35	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.40 - 7.40	3.7	-22.9%
4	VC5	Xây dựng và Vật liệu	0.70 - 1.10	0.7	-22.2%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	1.70 - 5.40	3.4	-19.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
50.0%	0.6	0.30 - 0.80	Bất động sản	V11
49.2%	9.4	6.30 - 9.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	THU
44.4%	2.6	1.70 - 2.60	Xây dựng và Vật liệu	VE9
33.8%	9.1	6.00 - 12.90	Tài nguyên Cơ bản	MDF
32.2%	23.8	13.10 - 41.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VMT

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	DBD	Dược - TB Y tế Bình Định	Y tế	7,242.1	289.3	42.7	3.65 - 5.73	7.3
2	ITA	Đầu tư CN Tân Tạo	Bất động sản	4,979.2	251.0	2.8	2.70 - 7.50	-15.0
3	VFG	Khử trùng Việt Nam	Hóa chất	886.9	194.6	71.6	34.00 - 85.00	2.4
4	VTP	Bưu chính Viettel	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56,567.3	182.3	79.4	65.00 - 98.50	7.9
5	SHI	SONHA CORP	Tài nguyên Cơ bản	4,350.7	166.0	14.8	13.10 - 15.80	0.7
6	GIL	XNK Bình Thạnh	Hàng cá nhân & Gia dụng	5,418.1	144.8	31.2	20.70 - 39.50	8.0
7	DPR	Cao su Đồng Phú	Hóa chất	19,376.5	144.3	42.0	28.60 - 47.40	2.8
8	EVF	Tài chính Điện lực	Dịch vụ tài chính	40,209.1	132.1	11.5	10.35 - 19.85	-0.9
9	KDH	Nhà Khang Điền	Bất động sản	138,863.5	130.9	37.9	27.20 - 40.00	1.6
10	DCL	Dược phẩm Cửu Long	Y tế	11,041.6	128.7	27.2	21.70 - 32.00	4.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

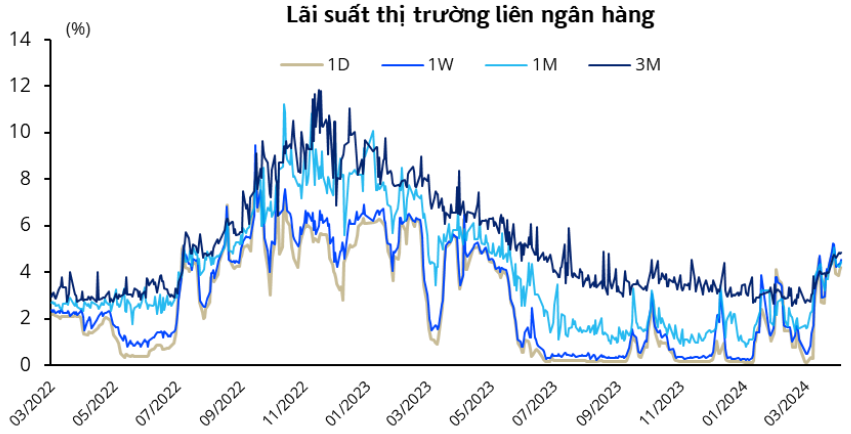
Tỷ giá

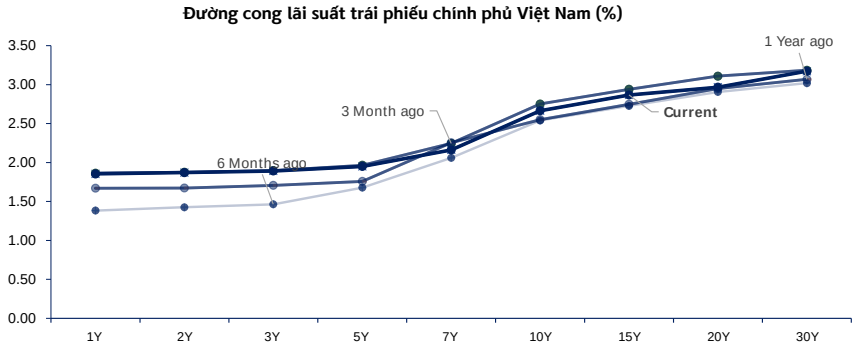
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	100.69	-0.4	-0.7	-4.6	-0.6	
VND/USD	24,572	0.0	-1.4	-3.5	1.2	
KRW/USD	1,334.35	0.1	0.3	-3.6	3.6	
JPY/USD	143.87	2.1	-1.0	-9.5	2.0	
EUR/USD	0.90	-0.8	-0.3	-4.1	-1.1	
SGD/USD	1.29	-0.4	-1.0	-4.6	-2.2	
CNY/USD	7.05	-0.6	-1.1	-2.9	-0.7	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	71.70	4.4	-3.2	-12.7	0.1	
Xăng	204.73	6.1	-9.3	-18.1	-2.6	
Gas	2.35	1.8	6.7	-14.4	-6.7	
Than	139.50	1.0	-4.8	4.0	-4.7	
Vàng	2,610.44	1.3	3.8	10.6	26.5	
Bạc	31.27	1.8	6.2	1.7	31.4	
Platinum	989.43	-0.9	3.9	0.5	-0.2	
Quặng sắt	92.03	-1.1	-6.2	-14.1	-32.5	
Thép cán	3,177.00	0.3	1.8	-15.5	-22.1	
Lúa mì	570.25	-0.2	7.0	-0.4	-9.2	
Ngô	406.75	4.1	8.5	-7.5	-13.7	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam





TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.85	1.87	1.89	1.95	2.16	2.67	2.87	2.94	2.73
Thay đổi (WoW)	-0.90	-0.80	-1.20	-0.40	-4.80	-3.50	-2.20	-3.30	-0.80

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co,. Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.